

KẾ HOẠCH

Tặng quà người hưởng chính sách thuộc lĩnh vực người có công; gia đình diện hộ nghèo; người cao tuổi; người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; các tổ chức, cá nhân tiêu biểu nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021

Căn cứ Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

UBND Thành phố ban hành Kế hoạch tặng quà người hưởng chính sách thuộc lĩnh vực người có công; gia đình diện hộ nghèo; người cao tuổi; người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; các tổ chức, cá nhân tiêu biểu nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đối với công tác chăm lo Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021, đảm bảo mục tiêu quan tâm tốt hơn đến đời sống, vật chất tinh thần người hưởng chính sách thuộc lĩnh vực người có công; gia đình diện hộ nghèo; người cao tuổi; người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; các tổ chức, cá nhân tiêu biểu; cán bộ trực Tết Nguyên đán và đối tượng tại các trung tâm nuôi dưỡng, chữa trị tập trung trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Bệnh viện 09 - Sở Y tế, đảm bảo chính sách an sinh xã hội trên địa bàn Thành phố.

- Chủ động, tổ chức kịp thời thực hiện việc tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán tới các đối tượng theo quy định tại Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND Thành phố.

2. Yêu cầu

- Thực hiện tốt việc thăm hỏi, tặng quà đảm bảo đúng đối tượng, đầy đủ chế độ chính sách, kịp thời theo quy định tài chính hiện hành.

- Huy động tối đa các nguồn lực xã hội với nhiều hình thức đa dạng, phong phú mang lại hiệu quả thiết thực nhằm chăm lo tốt hơn đối với đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, đảm bảo mọi người dân đều có Tết.

- Các Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện thăm hỏi, tặng quà đảm bảo đúng chính sách, đúng đối tượng, công khai, dân chủ.

- Chủ động phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm, trục lợi chính sách, chi trả tặng quà không đầy đủ theo quy định.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Đối tượng và mức tặng quà

a) Mức quà tặng cá nhân:

- Mức quà (bằng tiền mặt) 1.000.000 đồng/người: Bà mẹ Việt nam anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; Bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên; Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành cách mạng); Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (Tiền khởi nghĩa); Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận); Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (Bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi); Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày.

Trường hợp 01 cá nhân thuộc các đối tượng người có công nêu trên thì chỉ nhận 01 suất quà tặng của Thành phố.

- Mức quà (bằng tiền mặt) 500.000 đồng/người: Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng; Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà); Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng; Cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng; Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

- Mức quà (bằng tiền mặt) 300.000 đồng/người: Người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng.

- Mức quà (bằng tiền mặt) 300.000 đồng/hộ: Hộ nghèo

- Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi (bằng tiền mặt):

+ 1.200.000 đồng/người: Người cao tuổi trên 100 tuổi (sinh trước năm 1921);

+ 1.500.000 đồng/người (đã bao gồm 5 mét vải lụa): Người cao tuổi tròn 100 tuổi (sinh năm 1921);

+ 1.000.000 đồng/người: Người cao tuổi tròn 90, 95 tuổi (sinh năm 1931, 1926);

+ 700.000 đồng/người: Người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85 (sinh năm 1951, 1946, 1941, 1936).

- Mức quà (bằng tiền mặt) 500.000 đồng/người: Người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (theo đề xuất của Liên đoàn lao động thành phố Hà Nội).

- Mức quà (bằng tiền mặt) 500.000 đồng/người: Nữ cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng).

b) Mức quà tặng các đơn vị, cá nhân tiêu biểu; bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp trong các ngày Tết và bổ sung thêm tiền ăn trong những ngày Tết cho các đối tượng đang được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các đơn vị trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Bệnh viện 09 - Sở Y tế quản lý:

- Tặng quà 84 đơn vị, mỗi suất quà trị giá từ 4.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng, trong đó:

+ Đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng quà theo Kế hoạch của Thành ủy Hà Nội bao gồm: Câu lạc bộ Thăng Long, Ban Đại diện các chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù, đày thành phố Hà Nội, Khu điều dưỡng cán bộ tại Đại Lải, Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công số 2 Hà Nội, Trung tâm Bảo trợ xã hội IV Hà Nội.

+ Ủy quyền cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội, UBND các quận, huyện, thị xã tặng quà (79 đơn vị): Trường giáo dưỡng Bộ Công an - Ninh Bình; UBND huyện Thanh Thủy - tỉnh Phú Thọ; các trung tâm nuôi dưỡng người có công các tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng (7 đơn vị); Làng Hữu nghị Việt Nam; Bệnh viện 09 - Sở Y tế; Ban phục vụ lễ tang Hà Nội; Hội nạn nhân chất độc da cam Thành phố; Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố; Ban quản lý các nghĩa trang của Thành phố (Ban quản lý nghĩa trang liệt sỹ Nhôn, Ban quản lý nghĩa trang liệt sỹ Ngọc Hồi, Ban quản lý nghĩa trang Mai Dịch); Hội Người khuyết tật Thành phố; Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Thành phố; Hội cứu trợ trẻ em khuyết tật Thành phố; Hội người mù Thành phố; Hội doanh nghiệp của thương binh và người khuyết tật Thành phố; các đơn vị nuôi dưỡng, điều dưỡng đối tượng chính sách xã hội tập trung; các trung tâm phục hồi chức năng; các cơ sở bảo trợ xã hội; các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu của thương bệnh binh và các đơn vị sản xuất kinh doanh sử dụng trên 30% lao động là người khuyết tật trên địa bàn Thành phố.

- Tặng 150 suất quà cá nhân tiêu biểu, mỗi suất 2.500.000 đồng (tiền mặt 2.000.000 đồng, túi quà 500.000 đồng), trong đó:

+ Đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng quà (mỗi quận, huyện, thị xã chọn 03 trường hợp) theo Kế hoạch của Thành ủy Hà Nội bao gồm: các đồng chí Lão thành cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng; nhân sỹ, trí thức, gia đình chính sách, hộ nghèo, công nhân lao động, công dân ưu tú, gương người tốt việc tốt tiêu biểu trên địa bàn Thành phố.

+ Ủy quyền cho lãnh đạo UBND các quận, huyện, thị xã thăm tặng quà gia đình người có công tiêu biểu (mỗi quận, huyện, thị xã chọn 02 gia đình).

- Ngoài ra, nhân dịp Tết Nguyên đán, Thành phố hỗ trợ bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp trong các ngày Tết với mức 200.000 đồng/người và bổ sung thêm tiền ăn trong những ngày Tết cho các đối tượng đang được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung với mức 100.000 đồng/người tại các đơn vị trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Bệnh viện 09 - Sở Y tế quản lý.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

c) Ngoài quà tặng của Thành phố, các địa phương tùy vào điều kiện và khả năng thực tế có thể có các cơ chế chính sách hỗ trợ các gia đình chính sách xã hội khó khăn trên địa bàn quản lý, bảo đảm các đối tượng đều có Tết.

2. Kinh phí và nguồn kinh phí

Tổng số đối tượng tặng quà (dự kiến): 846.624 người, với tổng kinh phí là 371.293.300.000 đồng *(Ba trăm bảy mươi một tỷ, hai trăm chín mươi ba triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn)*.

a) Nguồn kinh phí:

Trích từ nguồn kinh phí ngân sách Thành phố, ngân sách bổ sung có mục tiêu giao quận, huyện, thị xã và ngân sách quận, huyện thị xã giao tại Quyết định về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 của UBND thành phố Hà Nội.

b) Trường hợp phát sinh tăng đối tượng chính sách xã hội, ngân sách quận, huyện, thị xã bố trí kinh phí thực hiện theo quy định. Trường hợp kinh phí còn dư, các đơn vị có trách nhiệm nộp trả lại nguồn ngân sách Thành phố.

c) Các đơn vị có trách nhiệm rút dự toán và sử dụng kinh phí theo đúng quy định, chi trả đúng đối tượng, đúng chế độ và quyết toán với Sở Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

d) Ngoài kinh phí từ nguồn ngân sách nêu trên, giao UBND các quận, huyện, thị xã, Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ vào các nguồn quyên tặng, nguồn được phép huy động khác phù hợp với khả năng của cơ quan, đơn vị để quyết định các mức trợ cấp, mức tặng quà và tổ chức trợ cấp khó khăn đối với các đối tượng nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 (mức tặng quà không lớn hơn các mức tặng quà Thành phố).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan, UBND các quận, huyện, thị xã hướng dẫn, triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch của UBND Thành phố.

- Phối hợp với Văn phòng Thành ủy, Văn phòng UBND Thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức thăm hỏi, tặng quà tới các tổ chức và cá nhân tiêu biểu theo nhiệm vụ được phân công.

- Tham mưu, đề xuất lãnh đạo Thành phố thăm và tặng quà Ban Đại diện các chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù, đày thành phố Hà Nội, Khu điều dưỡng cán bộ tại Đại Lải, Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công số 2 Hà Nội, Trung tâm Bảo trợ xã hội IV Hà Nội.

- Kiểm tra việc thăm hỏi, tặng quà, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những vi phạm trong việc thực hiện chính sách tặng quà.

- Tổng hợp kết quả tặng quà, báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

2. Sở Tài chính

Cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch triển khai việc tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 theo quy định.

3. Sở Y tế

Chủ trì tổ chức việc thăm hỏi và hỗ trợ bổ sung tiền ăn cho đối tượng đang được nuôi dưỡng, chữa trị tại Bệnh viện 09 nhân dịp Tết Nguyên đán.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và các hoạt động thăm tặng quà người hưởng chính sách thuộc lĩnh vực người có công; gia đình diện hộ nghèo; người cao tuổi; người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; các tổ chức, cá nhân tiêu biểu nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021.

5. Liên đoàn Lao động Thành phố

- Chủ trì, xây dựng kế hoạch chăm lo đời sống đoàn viên, người lao động; Tổ chức tặng quà Tết cho các đối tượng là người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn Thành phố nhân dịp Tết Nguyên đán.

- Triển khai tốt công tác đưa đoàn viên và người lao động về quê đón tết; phối hợp xử lý những phát sinh của người lao động về quyền lợi trong dịp Tết.

6. Bảo hiểm xã hội Thành phố

Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các quận, huyện, thị xã phối hợp với cơ quan Bưu điện tổ chức chi trả tiền quà Tết của UBND Thành phố kịp thời đến tay người hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng bằng hai hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản.

7. UBND các quận, huyện, thị xã

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tặng quà Tết trên địa bàn hiệu quả, thiết thực, đảm bảo tất cả người dân trên địa bàn đều được đón tết vui vẻ, đầm ấm.

- Phổ biến tuyên truyền chính sách tặng quà của Thành phố tới xã, phường, thị trấn và nhân dân địa phương; Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn đối tượng, tiêu chuẩn và mức quà tặng.

- Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND xã, phường, thị trấn rà soát danh sách đối tượng; đảm bảo kinh phí và tổ chức thực hiện tặng quà theo quy định xong trước ngày 01/02/2021 (*tức ngày 20 tháng 12 năm Canh Tý*).

- Tổ chức trao Thiếp mừng thọ của Chủ tịch nước đến người cao tuổi tròn 100 tuổi (theo ủy quyền tại Quyết định số 5797/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND Thành phố); trao thiếp mừng thọ của Chủ tịch UBND Thành phố cho người cao tuổi tròn 90 tuổi (theo ủy quyền tại Quyết định số 7137/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND Thành phố) đồng thời chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn phối hợp với Hội Người cao tuổi tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi đảm bảo trang trọng, chu đáo, tiết kiệm.

- Lựa chọn không quá 03 trường hợp cá nhân tiêu biểu trên địa bàn để lãnh đạo Thành phố đi thăm và chúc Tết (thực hiện theo Kế hoạch của Thành ủy Hà Nội); Chuẩn bị quà tặng, tháp tùng đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm và chúc tết các cá nhân tiêu biểu trên địa bàn.

- Tổ chức thăm hỏi, tặng quà đến 02 gia đình chính sách người có công tiêu biểu (*gia đình người có công tiêu biểu được lựa chọn tặng quà không trùng với đối tượng tiêu biểu đã được Thành phố thăm, tặng quà hai năm gần đây*) và một số đơn vị sản xuất, kinh doanh của thương bệnh binh; đơn vị sản xuất, kinh doanh sử dụng trên 30% lao động là người khuyết tật (đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định công nhận); một số tổ chức tiêu biểu theo ủy quyền của UBND Thành phố.

- Cấp kinh phí cho cơ quan Bảo hiểm xã hội thực hiện tặng quà đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng trên địa bàn Thành phố.

- Huy động các nguồn lực, sự trợ giúp của các tổ chức, đơn vị, cá nhân và cộng đồng thăm hỏi, tặng quà, động viên các đối tượng chính sách, xã hội khó khăn, hộ mới thoát nghèo.

- Hướng dẫn, kiểm tra, rà soát, giám sát các xã, phường, thị trấn tổ chức thăm hỏi, tặng quà đảm bảo đúng đối tượng quy định.

- Báo cáo kết quả việc thăm hỏi, tặng quà trên địa bàn; gửi về Sở Lao động Thương binh và xã hội để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Thành phố

Chỉ đạo thực hiện giám sát, tiếp nhận các ý kiến phản ánh của quần chúng nhân dân, phát hiện những trường hợp lợi dụng chính sách để các cơ quan chức

năng có trách nhiệm giải quyết, bảo đảm các chế độ quà tặng được đến tay đối tượng đầy đủ, kịp thời.

9. Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố

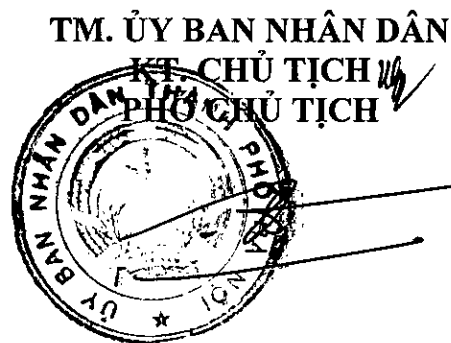
Chủ động cung cấp danh sách nữ cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đến các quận, huyện, thị xã để thực hiện tặng quà theo quy định.

UBND Thành phố đề nghị Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Thành phố và yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện; báo cáo kết quả thực hiện thăm tặng quà tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội trước ngày 03/02/2021 để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố. Trong quá trình tổ chức thực hiện, có vướng mắc đề nghị kịp thời phản ánh với Sở Lao động Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố./.

Nơi nhận: ✕

- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Bộ LĐTB&XH;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VPUB: CVP, PCVP Đ.H.Giang,
Phòng KGVX, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KGVX_{Ngoc} ✓

42095 - 12



Ngô Văn Quý

Kinh phí tặng quà đối tượng chính sách nhân dịp Tết Tân Sửu năm 2021*(Kèm theo Kế hoạch số 234/KH-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

STT	Loại đối tượng	Tổng số		Đông Đa		Ba Đình		Hai Bà Trưng		Hoàn Kiếm		Bắc Từ Liêm	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Tổng cộng: Trong đó	846.624	371.293.300	81.163	30.608.800	53.572	20.332.500	62.474	23.800.000	37.259	14.941.800	24.451	9.685.700
	- Ngân sách Thành phố	742.140	296.418.700	73.989	25.513.600	48.744	16.891.900	57.170	20.025.200	32.845	11.788.300	22.171	8.062.700
	- Ngân sách quận, huyện, thị xã	104.484	74.874.600	7.174	5.095.200	4.828	3.440.600	5.304	3.774.800	4.414	3.153.500	2.280	1.623.000
I	Kinh phí tặng quà tới các đối tượng Người có công	134.099	105.983.500	5.507	4.555.500	3.758	3.121.000	4.840	3.994.500	3.322	2.616.500	2.582	2.054.000
1	Mức 1.000.000 đồng	77.868	77.868.000	3.604	3.604.000	2.484	2.484.000	3.149	3.149.000	1.911	1.911.000	1.526	1.526.000
	Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	284	284.000	30	30.000	20	20.000	11	11.000	8	8.000	9	9.000
	Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên	39.534	39.534.000	1.920	1.920.000	1.335	1.335.000	1.550	1.550.000	941	941.000	826	826.000
	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành Cách mạng)	270	270.000	60	60.000	49	49.000	42	42.000	25	25.000	1	1.000
	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận)	433	433.000	24	24.000	1	1.000	10	10.000	29	29.000	18	18.000
	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa)	691	691.000	161	161.000	125	125.000	82	82.000	97	97.000	10	10.000
	Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng	237	237.000	3	3.000	8	8.000	9	9.000	-	-	5	5.000
	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	10.678	10.678.000	306	306.000	175	175.000	411	411.000	225	225.000	165	165.000
	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	1.705	1.705.000	80	80.000	53	53.000	114	114.000	60	60.000	30	30.000
	Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi)	23.958	23.958.000	1.020	1.020.000	718	718.000	920	920.000	526	526.000	462	462.000
	Tặng quà cho thương bệnh binh nuôi dưỡng ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	78	78.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Tổng số		Đồng Đa		Ba Đình		Hai Bà Trưng		Hoàn Kiếm		Bắc Từ Liêm	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
3	Mức 500.000 đồng	56.231	28.115.500	1.903	951.500	1.274	637.000	1.691	845.500	1.411	705.500	1.056	528.000
	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	6.061	3.030.500	107	53.500	87	43.500	183	91.500	62	31.000	106	53.000
	Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)	48.697	24.348.500	1.700	850.000	1.110	555.000	1.435	717.500	1.300	650.000	908	454.000
	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	1.109	554.500	63	31.500	58	29.000	46	23.000	40	20.000	30	15.000
	Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	218	109.000	30	15.000	16	8.000	25	12.500	7	3.500	6	3.000
	Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	140	70.000	3	1.500	3	1.500	2	1.000	2	1.000	6	3.000
	Tặng quà con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	6	3.000										
II	Kinh phí tặng quà người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (300.000 đồng)	576.907	173.072.100	67.673	20.301.900	44.653	13.395.900	51.899	15.569.700	29.121	8.736.300	19.387	5.816.100
	Cán bộ nghỉ hưu	543.735	163.120.500	65.200	19.560.000	42.966	12.889.800	49.578	14.873.400	27.770	8.331.000	18.509	5.552.700
	Cán bộ nghỉ mất sức	33.172	9.951.600	2.473	741.900	1.687	506.100	2.321	696.300	1.351	405.300	878	263.400
III	Kinh phí tặng quà tới hộ nghèo (300.000 đồng)	8.754	2.626.200	259	77.700	-	-	-	-	-	-	27	8.100
IV	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ tới người cao tuổi	114.321	85.144.300	7.707	5.646.200	5.141	3.770.100	5.719	4.212.300	4.799	3.556.000	2.442	1.791.000
1	Ngân sách Thành phố	9.837	10.269.700	533	551.000	313	329.500	415	437.500	385	402.500	162	168.000
	Người tròn 100 tuổi	884	1.326.000	36	54.000	33	49.500	45	67.500	35	52.500	12	18.000
	Người trên 100 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)	3	3.600										
	Người tròn 90 tuổi	8.913	8.913.000	497	497.000	280	280.000	370	370.000	350	350.000	150	150.000
	Người tròn 95 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)	4	4.000										
	Người cao tuổi 70,75,80,85 (thuộc Sở LĐTBXH)	33	23.100										
2	Ngân sách Quận, huyện, thị xã	104.484	74.874.600	7.174	5.095.200	4.828	3.440.600	5.304	3.774.800	4.414	3.153.500	2.280	1.623.000
	Người trên 100 tuổi	1.428	1.713.600	46	55.200	20	24.000	34	40.800	35	42.000	15	18.000
	Người tròn 95 tuổi	3.406	3.406.000	168	168.000	170	170.000	150	150.000	154	154.000	65	65.000
	Người cao tuổi 70,75,80,85	99.650	69.755.000	6.960	4.872.000	4.638	3.246.600	5.120	3.584.000	4.225	2.957.500	2.200	1.540.000

STT	Loại đối tượng	Tổng số		Đông Đa		Ba Đình		Hai Bà Trưng		Hoàn Kiếm		Bắc Từ Liêm	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
V	Thăm tặng quà các tổ chức tiêu biểu (Phụ lục 1.1)	84	510.500	2	10.000	5	28.000	1	6.000	3	16.000	-	-
	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dục ... thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề	9	69.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị do đoàn Lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	5	57.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy.. thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội	33	192.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu, các hội người khuyết tật	37	192.000	2	10.000	5	28.000	1	6.000	3	16.000	-	-
VI	Kinh phí tặng quà gia đình người có công tiêu biểu	60	150.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000
VII	Kinh phí tặng quà các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	90	225.000	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500
VIII	Kinh phí tặng quà người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	5.000	2.500.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XIX	Kinh phí tặng quà cho nữ Cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng)	300	150.000	10	5.000	10	5.000	10	5.000	9	4.500	8	4.000
XX	Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	2.308	461.600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XXI	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho đối tượng đản được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	4.701	470.100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Nam Từ Liêm		Thanh Trì		Gia Lâm		Đông Anh		Sóc Sơn		Tây Hồ	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Tổng cộng: Trong đó	17.101	6.925.800	23.883	9.999.900	25.223	11.545.200	32.693	15.008.300	21.249	10.958.800	23.219	8.908.700
	- Ngân sách Thành phố	15.323	5.659.800	20.773	7.783.900	21.801	9.096.200	28.621	12.092.500	18.164	8.726.800	21.226	7.493.400
	- Ngân sách quận, huyện, thị xã	1.778	1.266.000	3.110	2.216.000	3.422	2.449.000	4.072	2.915.800	3.085	2.232.000	1.993	1.415.300
I	Kinh phí tặng quà tới các đối tượng Người có công	1.849	1.500.500	2.875	2.242.500	4.833	3.755.000	6.714	5.239.500	5.940	4.781.000	2.006	1.586.500
1	Mức 1.000.000 đồng	1.152	1.152.000	1.610	1.610.000	2.677	2.677.000	3.765	3.765.000	3.622	3.622.000	1.167	1.167.000
	Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	2	2.000	2	2.000	6	6.000	16	16.000	5	5.000	9	9.000
	Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên	680	680.000	846	846.000	1.290	1.290.000	1.745	1.745.000	1.690	1.690.000	701	701.000
	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành Cách mạng)	1	1.000	3	3.000	2	2.000	2	2.000	3	3.000	4	4.000
	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận)	6	6.000	11	11.000	13	13.000	34	34.000	15	15.000	13	13.000
	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa)	4	4.000	2	2.000	4	4.000	3	3.000	8	8.000	22	22.000
	Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng	7	7.000	5	5.000	7	7.000	14	14.000	11	11.000	-	-
	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	125	125.000	187	187.000	232	232.000	315	315.000	600	600.000	60	60.000
	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	17	17.000	34	34.000	103	103.000	126	126.000	115	115.000	30	30.000
	Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi)	310	310.000	520	520.000	1.020	1.020.000	1.510	1.510.000	1.175	1.175.000	328	328.000
	Tặng quà cho thương bệnh binh nuôi dưỡng ở các trung tâm 7 tỉnh liên kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Nam Từ Liêm		Thanh Trì		Gia Lâm		Đông Anh		Sóc Sơn		Tây Hồ	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
3	Mức 500.000 đồng	697	348.500	1.265	632.500	2.156	1.078.000	2.949	1.474.500	2.318	1.159.000	839	419.500
	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	49	24.500	80	40.000	128	64.000	192	96.000	390	195.000	31	15.500
	Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)	625	312.500	1.150	575.000	2.000	1.000.000	2.715	1.357.500	1.855	927.500	769	384.500
	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	15	7.500	30	15.000	26	13.000	27	13.500	63	31.500	31	15.500
	Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	4	2.000	3	1.500	1	500	10	5.000	5	2.500	7	3.500
	Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	4	2.000	2	1.000	1	500	5	2.500	5	2.500	1	500
	Tặng quà con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học ở các trung tâm 7 tỉnh liên kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng												
II	Kinh phí tặng quà người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (300.000 đồng)	13.326	3.997.800	17.403	5.220.900	16.577	4.973.100	21.535	6.460.500	10.963	3.288.900	19.043	5.712.900
	Cán bộ nghỉ hưu	12.702	3.810.600	16.359	4.907.700	15.344	4.603.200	19.942	5.982.600	10.350	3.105.000	18.191	5.457.300
	Cán bộ nghỉ mất sức	624	187.200	1.044	313.200	1.233	369.900	1.593	477.900	613	183.900	852	255.600
III	Kinh phí tặng quà tới hộ nghèo (300.000 đồng)	-	-	290	87.000	62	18.600	-	-	898	269.400	-	-
IV	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ tới người cao tuổi	1.912	1.407.000	3.296	2.410.000	3.736	2.775.500	4.426	3.283.800	3.430	2.597.000	2.155	1.582.800
1	Ngân sách Thành phố	134	141.000	186	194.000	314	326.500	354	368.000	345	365.000	162	167.500
	Người tròn 100 tuổi	14	21.000	16	24.000	25	37.500	28	42.000	40	60.000	11	16.500
	Người trên 100 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)												
	Người tròn 90 tuổi	120	120.000	170	170.000	289	289.000	326	326.000	305	305.000	151	151.000
	Người tròn 95 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)												
	Người cao tuổi 70,75,80,85 (thuộc Sở LĐTBXH)												
2	Ngân sách Quận, huyện, thị xã	1.778	1.266.000	3.110	2.216.000	3.422	2.449.000	4.072	2.915.800	3.085	2.232.000	1.993	1.415.300
	Người trên 100 tuổi	20	24.000	30	36.000	55	66.000	63	75.600	85	102.000	11	13.200
	Người tròn 95 tuổi	38	38.000	80	80.000	87	87.000	113	113.000	100	100.000	49	49.000
	Người cao tuổi 70,75,80,85	1.720	1.204.000	3.000	2.100.000	3.280	2.296.000	3.896	2.727.200	2.900	2.030.000	1.933	1.353.100

STT	Loại đối tượng	Nam Từ Liêm		Thanh Trì		Gia Lâm		Đông Anh		Sóc Sơn		Tây Hồ	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
V	Thăm tặng quà các tổ chức tiêu biểu (Phụ lục 1.1)	1	4.000	4	22.000	1	6.000	1	6.000	1	4.000	2	10.000
	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dục... thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị do đoàn Lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy.. thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu, các hội người khuyết tật	1	4.000	4	22.000	1	6.000	1	6.000	1	4.000	2	10.000
VI	Kinh phí tặng quà gia đình người có công tiêu biểu	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000
VII	Kinh phí tặng quà các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500
VIII	Kinh phí tặng quà người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XIX	Kinh phí tặng quà cho nữ Cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng)	8	4.000	10	5.000	9	4.500	12	6.000	12	6.000	8	4.000
XX	Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XXI	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho đối tượng đản được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Thanh Xuân		Cầu Giấy		Hoàng Mai		Long Biên		Sơn Tây		Ba Vì	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Tổng cộng: Trong đó	45.636	17.113.400	37.054	14.023.200	47.327	18.718.200	40.228	15.658.000	18.707	8.216.000	24.872	13.878.200
	- Ngân sách Thành phố	42.178	14.588.300	33.894	11.791.200	42.360	15.191.700	36.701	13.154.400	16.527	6.654.700	19.227	9.836.200
	- Ngân sách quận, huyện, thị xã	3.458	2.525.100	3.160	2.232.000	4.967	3.526.500	3.527	2.503.600	2.180	1.561.300	5.645	4.042.000
I	Kinh phí tặng quà tới các đối tượng Người có công	3.053	2.708.000	2.687	2.294.000	4.316	3.517.000	3.688	3.026.500	3.127	2.509.500	7.217	5.619.500
1	Mức 1.000.000 đồng	2.363	2.363.000	1.901	1.901.000	2.718	2.718.000	2.365	2.365.000	1.892	1.892.000	4.022	4.022.000
	Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	34	34.000	20	20.000	16	16.000	6	6.000	8	8.000	18	18.000
	Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên	1.270	1.270.000	1.135	1.135.000	1.500	1.500.000	1.212	1.212.000	960	960.000	2.050	2.050.000
	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành Cách mạng)	23	23.000	12	12.000	14	14.000	7	7.000	-	-	-	-
	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận)	-	-	13	13.000	6	6.000	6	6.000	6	6.000	3	3.000
	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa)	45	45.000	48	48.000	25	25.000	22	22.000	6	6.000	2	2.000
	Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng	10	10.000	1	1.000	3	3.000	3	3.000	1	1.000	11	11.000
	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	375	375.000	185	185.000	230	230.000	279	279.000	375	375.000	358	358.000
	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	61	61.000	37	37.000	74	74.000	55	55.000	28	28.000	195	195.000
	Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi)	545	545.000	450	450.000	850	850.000	775	775.000	508	508.000	1.385	1.385.000
	Tặng quà cho thương bệnh binh nuôi dưỡng ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Thanh Xuân		Cầu Giấy		Hoàng Mai		Long Biên		Sơn Tây		Ba Vì	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
3	Mức 500.000 đồng	690	345.000	786	393.000	1.598	799.000	1.323	661.500	1.235	617.500	3.195	1.597.500
	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	77	38.500	35	17.500	120	60.000	90	45.000	149	74.500	262	131.000
	Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)	510	255.000	690	345.000	1.420	710.000	1.162	581.000	1.050	525.000	2.860	1.430.000
	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	55	27.500	47	23.500	42	21.000	54	27.000	32	16.000	64	32.000
	Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	18	9.000	7	3.500	9	4.500	9	4.500	2	1.000	5	2.500
	Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	30	15.000	7	3.500	7	3.500	8	4.000	2	1.000	4	2.000
	Tặng quà con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng												
II	Kinh phí tặng quà người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (300.000 đồng)	38.941	11.682.300	31.039	9.311.700	37.589	11.276.700	32.650	9.795.000	13.067	3.920.100	10.126	3.037.800
	Cán bộ nghỉ hưu	37.783	11.334.900	30.319	9.095.700	35.991	10.797.300	31.189	9.356.700	11.863	3.558.900	8.486	2.545.800
	Cán bộ nghỉ mất sức	1.158	347.400	720	216.000	1.598	479.400	1.461	438.300	1.204	361.200	1.640	492.000
III	Kinh phí tặng quà tới hộ nghèo (300.000 đồng)	-	-	-	-	130	39.000	78	23.400	167	50.100	1.058	317.400
IV	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ tới người cao tuổi	3.628	2.702.600	3.311	2.388.500	5.275	3.847.000	3.794	2.779.600	2.332	1.719.300	6.453	4.879.000
I	Ngân sách Thành phố	170	177.500	151	156.500	308	320.500	267	276.000	152	158.000	808	837.000
	Người tròn 100 tuổi	15	22.500	11	16.500	25	37.500	18	27.000	12	18.000	58	87.000
	Người trên 100 tuổi (thuộc Sở LĐT BXH)												
	Người tròn 90 tuổi	155	155.000	140	140.000	283	283.000	249	249.000	140	140.000	750	750.000
	Người tròn 95 tuổi (thuộc Sở LĐT BXH)												
	Người cao tuổi 70,75,80,85 (thuộc Sở LĐT BXH)												
2	Ngân sách Quận, huyện, thị xã	3.458	2.525.100	3.160	2.232.000	4.967	3.526.500	3.527	2.503.600	2.180	1.561.300	5.645	4.042.000
	Người trên 100 tuổi	8	9.600	16	19.200	38	45.600	28	33.600	31	37.200	85	102.000
	Người tròn 95 tuổi	335	335.000	40	40.000	102	102.000	69	69.000	66	66.000	160	160.000
	Người cao tuổi 70,75,80,85	3.115	2.180.500	3.104	2.172.800	4.827	3.378.900	3.430	2.401.000	2.083	1.458.100	5.400	3.780.000

STT	Loại đối tượng	Thanh Xuân		Cầu Giấy		Hoàng Mai		Long Biên		Sơn Tây		Ba Vì	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
V	Thăm tặng quà các tổ chức tiêu biểu (Phụ lục 1.1)	1	4.000	3	12.000	4	22.000	3	16.000	-	-	1	6.000
	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dưỡng ... thuộc Bộ công an, các tỉnh liên kề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị do đoàn Lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy.. thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu, các hội người khuyết tật	1	4.000	3	12.000	4	22.000	3	16.000	-	-	1	6.000
VI	Kinh phí tặng quà gia đình người có công tiêu biểu	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000
VII	Kinh phí tặng quà các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500
VIII	Kinh phí tặng quà người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XIX	Kinh phí tặng quà cho nữ Cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng)	8	4.000	9	4.500	8	4.000	10	5.000	9	4.500	12	6.000
XX	Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09-Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XXI	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho đối tượng đản được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Ứng Hòa		Quốc Oai		Thanh Oai		Mỹ Đức		Thường Tín		Đan Phượng	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Tổng cộng: Trong đó	16.791	9.261.600	13.061	7.643.900	13.023	7.242.400	13.008	7.417.100	17.612	9.418.600	11.374	6.370.600
	- Ngân sách Thành phố	13.486	6.872.600	10.416	5.745.900	10.658	5.521.500	10.344	5.450.900	14.499	7.184.700	9.085	4.726.900
	- Ngân sách quận, huyện, thị xã	3.305	2.389.000	2.645	1.898.000	2.365	1.720.900	2.664	1.966.200	3.113	2.233.900	2.289	1.643.700
I	Kinh phí tặng quà tới các đối tượng Người có công	5.579	4.145.500	4.965	3.903.000	4.510	3.433.000	4.329	3.309.500	5.258	4.060.000	3.919	2.966.000
1	Mức 1.000.000 đồng	2.712	2.712.000	2.841	2.841.000	2.356	2.356.000	2.290	2.290.000	2.862	2.862.000	2.013	2.013.000
	Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	5	5.000	9	9.000	-	-	3	3.000	6	6.000	4	4.000
	Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên	1.447	1.447.000	1.195	1.195.000	1.199	1.199.000	1.285	1.285.000	1.450	1.450.000	1.030	1.030.000
	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành Cách mạng)	3	3.000	2	2.000	-	-	-	-	-	-	2	2.000
	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận)	14	14.000	17	17.000	-	-	5	5.000	-	-	9	9.000
	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa)	-	-	1	1.000	1	1.000	-	-	2	2.000	1	1.000
	Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng	-	-	7	7.000	-	-	3	3.000	61	61.000	5	5.000
	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	380	380.000	775	775.000	450	450.000	228	228.000	525	525.000	217	217.000
	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	43	43.000	24	24.000	32	32.000	31	31.000	39	39.000	54	54.000
	Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi)	820	820.000	811	811.000	674	674.000	735	735.000	779	779.000	691	691.000
	Tặng quà cho thương bệnh binh nuôi dưỡng ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Ứng Hòa		Quốc Oai		Thanh Oai		Mỹ Đức		Thường Tín		Đan Phượng	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
3	Mức 500.000 đồng	2.867	1.433.500	2.124	1.062.000	2.154	1.077.000	2.039	1.019.500	2.396	1.198.000	1.906	953.000
	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	319	159.500	318	159.000	256	128.000	225	112.500	226	113.000	170	85.000
	Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)	2.500	1.250.000	1.767	883.500	1.881	940.500	1.786	893.000	2.110	1.055.000	1.693	846.500
	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	40	20.000	22	11.000	13	6.500	27	13.500	42	21.000	37	18.500
	Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	5	2.500	6	3.000	2	1.000	1	500	15	7.500	4	2.000
	Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	3	1.500	11	5.500	2	1.000	-	-	3	1.500	2	1.000
	Tặng quà con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng												
II	Kinh phí tặng quà người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (300.000 đồng)	6.837	2.051.100	5.069	1.520.700	5.040	1.512.000	4.704	1.411.200	7.912	2.373.600	4.768	1.430.400
	Cán bộ nghỉ hưu	5.824	1.747.200	4.413	1.323.900	4.447	1.334.100	3.994	1.198.200	7.082	2.124.600	4.141	1.242.300
	Cán bộ nghỉ mất sức	1.013	303.900	656	196.800	593	177.900	710	213.000	830	249.000	627	188.100
III	Kinh phí tặng quà tới hộ nghèo (300.000 đồng)	595	178.500	109	32.700	785	235.500	864	259.200	852	255.600	120	36.000
IV	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ tới người cao tuổi	3.765	2.869.000	2.903	2.170.000	2.674	2.041.400	3.094	2.418.700	3.575	2.711.900	2.552	1.920.700
1	Ngân sách Thành phố	460	480.000	258	272.000	309	320.500	430	452.500	462	478.000	263	277.000
	Người tròn 100 tuổi	40	60.000	28	42.000	23	34.500	45	67.500	32	48.000	28	42.000
	Người trên 100 tuổi (thuộc Sổ LĐTĐBXH)												
	Người tròn 90 tuổi	420	420.000	230	230.000	286	286.000	385	385.000	430	430.000	235	235.000
	Người tròn 95 tuổi (thuộc Sổ LĐTĐBXH)												
	Người cao tuổi 70,75,80,85 (thuộc Sổ LĐTĐBXH)												
2	Ngân sách Quận, huyện, thị xã	3.305	2.389.000	2.645	1.898.000	2.365	1.720.900	2.664	1.966.200	3.113	2.233.900	2.289	1.643.700
	Người trên 100 tuổi	70	84.000	45	54.000	63	75.600	120	144.000	40	48.000	42	50.400
	Người tròn 95 tuổi	135	135.000	80	80.000	113	113.000	138	138.000	116	116.000	68	68.000
	Người cao tuổi 70,75,80,85	3.100	2.170.000	2.520	1.764.000	2.189	1.532.300	2.406	1.684.200	2.957	2.069.900	2.179	1.525.300

STT	Loại đối tượng	Ứng Hòa		Quốc Oai		Thanh Oai		Mỹ Đức		Thường Tín		Đan Phượng	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
V	Thăm tặng quà các tổ chức tiêu biểu (Phụ lục 1.1)	-	-	-	-	1	4.000	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dục ... thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị do đoàn Lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy.. thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu, các hội người khuyết tật	-	-	-	-	1	4.000	-	-	-	-	-	-
VI	Kinh phí tặng quà gia đình người có công tiêu biểu	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000
VII	Kinh phí tặng quà các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500
VIII	Kinh phí tặng quà người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XIX	Kinh phí tặng quà cho nữ Cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng)	10	5.000	10	5.000	8	4.000	12	6.000	10	5.000	10	5.000
XX	Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XXI	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho đối tượng đơn được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Hoài Đức		Hà Đông		Chương Mỹ		Phú Xuyên		Phúc Thọ	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Tổng cộng: Trong đó	14.210	7.801.400	38.102	15.560.800	22.140	11.918.300	16.662	9.309.800	15.431	8.915.000
	- Ngân sách Thành phố	11.072	5.556.800	34.648	13.102.000	16.985	8.206.800	13.852	7.280.700	11.874	6.358.100
	- Ngân sách quận, huyện, thị xã	3.138	2.244.600	3.454	2.458.800	5.155	3.711.500	2.810	2.029.100	3.557	2.556.900
I	Kinh phí tặng quà tới các đối tượng Người có công	4.489	3.356.500	4.764	3.920.500	5.886	4.521.500	6.238	4.718.500	5.350	4.109.500
1	Mức 1.000.000 đồng	2.224	2.224.000	3.077	3.077.000	3.157	3.157.000	3.199	3.199.000	2.869	2.869.000
	Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	5	5.000	7	7.000	1	1.000	2	2.000	9	9.000
	Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên	1.101	1.101.000	1.662	1.662.000	1.564	1.564.000	1.687	1.687.000	1.380	1.380.000
	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành Cách mạng)	8	8.000	4	4.000	1	1.000	-	-	-	-
	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận)	-	-	104	104.000	24	24.000	-	-	23	23.000
	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa)	-	-	12	12.000	-	-	-	-	1	1.000
	Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng	3	3.000	4	4.000	17	17.000	10	10.000	10	10.000
	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	215	215.000	530	530.000	530	530.000	420	420.000	370	370.000
	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	35	35.000	74	74.000	30	30.000	40	40.000	26	26.000
	Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi)	857	857.000	680	680.000	990	990.000	1.040	1.040.000	1.050	1.050.000
	Tặng quà cho thương bệnh binh nuôi dưỡng ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Hoài Đức		Hà Đông		Chương Mỹ		Phú Xuyên		Phúc Thọ	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
3	Mức 500.000 đồng	2.265	1.132.500	1.687	843.500	2.729	1.364.500	3.039	1.519.500	2.481	1.240.500
	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	185	92.500	240	120.000	406	203.000	355	177.500	255	127.500
	Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)	2.059	1.029.500	1.390	695.000	2.280	1.140.000	2.650	1.325.000	2.190	1.095.000
	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng.	20	10.000	39	19.500	42	21.000	32	16.000	25	12.500
	Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng.	1	500	10	5.000	1	500	1	500	5	2.500
	Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng.		-	8	4.000	-	-	1	500	6	3.000
	Tặng quà con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng		-		-		-		-		-
II	Kinh phí tặng quà người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (300.000 đồng)	6.249	1.874.700	29.610	8.883.000	9.787	2.936.100	6.585	1.975.500	5.551	1.665.300
	Cán bộ nghỉ hưu	5.687	1.706.100	28.096	8.428.800	8.459	2.537.700	5.879	1.763.700	4.709	1.412.700
	Cán bộ nghỉ mất sức	562	168.600	1.514	454.200	1.328	398.400	706	211.800	842	252.600
III	Kinh phí tặng quà tới hộ nghèo (300.000 đồng)	32	9.600	-	-	839	251.700	659	197.700	591	177.300
IV	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ tới người cao tuổi	3.423	2.542.100	3.710	2.723.800	5.611	4.190.500	3.163	2.399.600	3.922	2.944.400
1	Ngân sách Thành phố	285	297.500	256	265.000	456	479.000	353	370.500	365	387.500
	Người tròn 100 tuổi	25	37.500	18	27.000	46	69.000	35	52.500	45	67.500
	Người trên 100 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)		-		-		-		-		-
	Người tròn 90 tuổi	260	260.000	238	238.000	410	410.000	318	318.000	320	320.000
	Người tròn 95 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)		-		-		-		-		-
	Người cao tuổi 70,75,80,85 (thuộc Sở LĐTBXH)		-		-		-		-		-
2	Ngân sách Quận, huyện, thị xã	3.138	2.244.600	3.454	2.458.800	5.155	3.711.500	2.810	2.029.100	3.557	2.556.900
	Người trên 100 tuổi	27	32.400	31	37.200	110	132.000	66	79.200	62	74.400
	Người tròn 95 tuổi	115	115.000	85	85.000	160	160.000	97	97.000	120	120.000
	Người cao tuổi 70,75,80,85	2.996	2.097.200	3.338	2.336.600	4.885	3.419.500	2.647	1.852.900	3.375	2.362.500

STT	Loại đối tượng	Hoài Đức		Hà Đông		Chương Mỹ		Phú Xuyên		Phúc Thọ	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
V	Thăm tặng quà các tổ chức tiêu biểu (Phụ lục 1.1)	-	-	3	16.000	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dưỡng... thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị do đoàn Lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy.. thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu, các hội người khuyết tật	-	-	3	16.000	-	-	-	-	-	-
VI	Kinh phí tặng quà gia đình người có công tiêu biểu	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000	2	5.000
VII	Kinh phí tặng quà các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500	3	7.500
VIII	Kinh phí tặng quà người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XIX	Kinh phí tặng quà cho nữ Cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng)	12	6.000	10	5.000	12	6.000	12	6.000	12	6.000
XX	Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XXI	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho đối tượng đơn được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Thạch Thất		Mê Linh		Sở LĐTBXH		Liên đoàn Lao động Thành phố Hà Nội		Sở Y tế	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
	Tổng cộng: Trong đó	13.945	8.203.100	12.785	7.916.800	7.131	1.450.800	5.000	2.500.000	238	40.600
	- Ngân sách Thành phố	11.448	6.389.700	9.690	5.679.900	7.131	1.450.800	5.000	2.500.000	238	40.600
	- Ngân sách quận, huyện, thị xã	2.497	1.813.400	3.095	2.236.900	-	-	-	-	-	-
I	Kinh phí tặng quà tới các đối tượng Người có công	5.246	4.268.500	4.984	3.945.500	268	205.000	-	-	-	-
1	Mức 1.000.000 đồng	3.291	3.291.000	2.907	2.907.000	142	142.000	-	-	-	-
	Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	6	6.000	7	7.000	-	-	-	-	-	-
	Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên	1.400	1.400.000	1.475	1.475.000	8	8.000	-	-	-	-
	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành Cách mạng)	-	-	2	2.000	-	-	-	-	-	-
	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng (nếu người đứng tên trong gia đình được tặng kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" đã mất thì vợ/chồng hoặc con được nhận)	11	11.000	18	18.000	-	-	-	-	-	-
	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng tám năm 1945 (tiền khởi nghĩa)	1	1.000	6	6.000	-	-	-	-	-	-
	Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hàng tháng	7	7.000	12	12.000	-	-	-	-	-	-
	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.140	1.140.000	295	295.000	-	-	-	-	-	-
	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	15	15.000	50	50.000	-	-	-	-	-	-
	Đại diện thân nhân chủ yếu của liệt sỹ (bố, mẹ, vợ, chồng, con, người có công nuôi)	711	711.000	1.042	1.042.000	56	56.000	-	-	-	-
	Tặng quà cho thương bệnh binh nuôi dưỡng ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	-	-	-	-	78	78.000	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Thạch Thất		Mê Linh		Sở LĐTBXH		Liên đoàn Lao động Thành phố Hà Nội		Sở Y tế	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
3	Mức 500.000 đồng	1.955	977.500	2.077	1.038.500	126	63.000	-	-	-	-
	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	488	244.000	350	175.000	120	60.000	-	-	-	-
	Đại diện gia tộc thờ cúng liệt sỹ (01 liệt sỹ/01 suất quà)	1.440	720.000	1.692	846.000	-	-	-	-	-	-
	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	23	11.500	24	12.000	-	-	-	-	-	-
	Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	2	1.000	1	500	-	-	-	-	-	-
	Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 đang hưởng trợ cấp hàng tháng	2	1.000	10	5.000	-	-	-	-	-	-
	Tặng quà con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học ở các trung tâm 7 tỉnh liền kề có đối tượng người có công Hà Nội đang được nuôi dưỡng	-	-	-	-	6	3.000	-	-	-	-
II	Kinh phí tặng quà người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (300.000 đồng)	5.524	1.657.200	4.279	1.283.700	-	-	-	-	-	-
	Cán bộ nghỉ hưu	4.649	1.394.700	3.813	1.143.900	-	-	-	-	-	-
	Cán bộ nghỉ mất sức	875	262.500	466	139.800	-	-	-	-	-	-
III	Kinh phí tặng quà tới hộ nghèo (300.000 đồng)	335	100.500	4	1.200	-	-	-	-	-	-
IV	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ tới người cao tuổi	2.825	2.159.400	3.503	2.668.900	45	36.200	-	-	-	-
1	Ngân sách Thành phố	328	346.000	408	432.000	45	36.200	-	-	-	-
	Người tròn 100 tuổi	36	54.000	48	72.000	1	1.500	-	-	-	-
	Người trên 100 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)	-	-	-	-	3	3.600	-	-	-	-
	Người tròn 90 tuổi	292	292.000	360	360.000	4	4.000	-	-	-	-
	Người tròn 95 tuổi (thuộc Sở LĐTBXH)	-	-	-	-	4	4.000	-	-	-	-
	Người cao tuổi 70,75,80,85 (thuộc Sở LĐTBXH)	-	-	-	-	33	23.100	-	-	-	-
2	Ngân sách Quận, huyện, thị xã	2.497	1.813.400	3.095	2.236.900	-	-	-	-	-	-
	Người trên 100 tuổi	65	78.000	67	80.400	-	-	-	-	-	-
	Người tròn 95 tuổi	110	110.000	123	123.000	-	-	-	-	-	-
	Người cao tuổi 70,75,80,85	2.322	1.625.400	2.905	2.033.500	-	-	-	-	-	-

STT	Loại đối tượng	Thạch Thất		Mê Linh		Sở LĐTBXH		Liên đoàn Lao động Thành phố Hà Nội		Sở Y tế	
		Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)	Người	Tiền (1.000đ)
V	Thăm tặng quà các tổ chức tiêu biểu (Phụ lục I.1)	-	-	-	-	47	318.500	-	-	-	-
	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dưỡng ... thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề	-	-	-	-	9	69.000	-	-	-	-
	Các đơn vị do đoàn Lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	-	-	-	-	5	57.500	-	-	-	-
	Các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy.. thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội	-	-	-	-	33	192.000	-	-	-	-
	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu, các hội người khuyết tật	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
VI	Kinh phí tặng quà gia đình người có công tiêu biểu	2	5.000	2	5.000	-	-	-	-	-	-
VII	Kinh phí tặng quà các cá nhân tiêu biểu do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng	3	7.500	3	7.500	-	-	-	-	-	-
VIII	Kinh phí tặng quà người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	-	-	-	-	-	-	5.000	2.500.000	-	-
XIX	Kinh phí tặng quà cho nữ Cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (cô đơn, không hưởng trợ cấp hàng tháng)	10	5.000	10	5.000	-	-	-	-	-	-
XX	Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	2.140	428.000	-	-	168	33.600
XXI	Kinh phí bổ sung tiền ăn cho đối tượng đần được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung tại các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Bệnh viện 09- Sở Y tế	-	-	-	-	4.631	463.100	-	-	70	7.000

DANH SÁCH THĂM TẶNG CÁC TỔ CHỨC NHÂN DỊP TẾT TÂN SỬU NĂM 2021
(Kèm theo Kế hoạch số 234 /KH-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Danh sách đơn vị	Địa chỉ	Mức chi /1 đơn vị	Ghi chú
	Tổng cộng		510.500	
A	Sở Lao động Thương binh và Xã hội		318.500	
I	Các đơn vị nuôi dưỡng người có công, giáo dưỡng ...thuộc Bộ công an, các tỉnh liền kề		69.000	
1	Trường giáo dưỡng Bộ Công an- Ninh Bình		16.000	
2	UBND Huyện Thanh Thủy - Phú Thọ		11.000	
3	Các đơn vị nuôi dưỡng thương binh thuộc các tỉnh liền kề		42.000	
3.1	Trung tâm điều dưỡng người có công Thuận Thành	Ninh Xá - Thuận Thành - Bắc Ninh	6.000	
3.2	Trung tâm điều dưỡng người có công Lạng Giang	Thái Đào - Lạng Giang - Bắc Giang	6.000	
3.3	Trung tâm điều dưỡng người có công Nho Quan	Đồng Phong - Nho Quan - Ninh Bình	6.000	
3.4	Trung tâm điều dưỡng người có công Duy Tiên	Yên Nham - Duy Tiên - Hà Nam	6.000	
3.5	Trung tâm điều dưỡng người có công Phú Thọ	Hà Thạch - Phú Thọ - Phú Thọ	6.000	
3.6	Trung tâm điều dưỡng thương binh Kim Bảng	Ba Sao - Kim Bảng - Hà Nam	6.000	
3.7	Trung tâm điều dưỡng người có công Bắc Giang	Quế Nham - Tân Yên - Bắc Giang	6.000	
II	Các đơn vị do đoàn lãnh đạo Thành phố đi thăm tặng		57.500	
1	Khu điều dưỡng cán bộ tại Đại Lải	Xã Ngọc Thanh- thị xã Phúc Yên- Vĩnh Phúc	11.500	
2	Câu lạc bộ Thăng Long	Số 2 Trần Bình Trọng- Hoàn Kiếm- Hà Nội	11.500	
3	Ban đại diện các chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù, đày thành phố Hà Nội	Hỏa Lò - Hoàn Kiếm	11.500	
4	Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công số 2 Hà Nội	Viên An - Ứng Hòa	11.500	
5	Trung tâm Bảo trợ xã hội IV Hà Nội	Tây Đằng - Ba Vi	11.500	

III	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu; các Trung tâm nuôi dưỡng người có công, trung tâm bảo trợ xã hội, cai nghiện ma túy.. thuộc Sở; các ban quản lý nghĩa trang		192.000	
1	Các đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu của Thành phố và trung tâm nuôi dưỡng đối tượng chính sách		180.000	
1.1	Làng Hữu nghị Việt Nam	An Trai- Vân Canh- Hoài Đức- Hà Nội	6.000	
1.2	Bệnh viện 09 - Sở Y tế	Tân Triều - Thanh Trì	6.000	
1.3	Hội cựu thanh niên xung phong Thành phố	Cung Trí Thúc- Trần Thái Tông- Cầu Giấy	6.000	
1.4	Hội nạn nhân chất độc da cam Thành phố	Cung Trí Thúc- Trần Thái Tông- Cầu Giấy	6.000	
1.5	Ban phục vụ lễ tang Hà Nội	Phùng Hưng - Hoàn Kiếm	6.000	
1.6	Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công Hà Nội	Thanh Bình- Hà Đông	6.000	
1.7	Trung tâm điều dưỡng người có công số I	Thanh Thủy - Phú Thọ	6.000	
1.8	Trung tâm điều dưỡng người có công số II	Biên Giang - Hà Đông	6.000	
1.9	Trung tâm điều dưỡng người có công số III	Kim Sơn - Sơn Tây	6.000	
1.10	Trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng và điều trị nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/ dioxin thành phố Hà Nội	Thôn Muối- Yên Bài - Ba Vì	6.000	
1.11	Trung tâm Bảo trợ xã hội số I	Dục Tú - Đông Anh	6.000	
1.12	Trung tâm Bảo trợ xã hội số II	Viên An - Ứng Hòa	6.000	
1.13	Trung tâm Bảo trợ xã hội số III	Tây Mỗ - Từ Liêm	6.000	
1.14	Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ tàn tật Hà Nội	Thụy An - Ba Vì	6.000	
1.15	Trung tâm Phục hồi chức năng Việt - Hàn	Đông Yên - Quốc Oai	6.000	
1.16	Trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng người tâm thần Hà Nội	Thụy An - Ba Vì	6.000	
1.17	Trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng người tâm thần số 2	Phú Sơn - Ba Vì	6.000	
1.18	Làng trẻ em Birla	Mai Dịch - Cầu Giấy	6.000	
1.19	Làng trẻ em SOS	Mai Dịch - Cầu Giấy	6.000	
1.20	Trung tâm nuôi dưỡng trẻ khuyết tật	Thị trấn Chúc Sơn - Chương Mỹ	6.000	
1.21	Cơ sở cai nghiện ma túy số 1	Yên Bài - Ba Vì	6.000	

1.22	Cơ sở cai nghiện ma túy số 2	Yên Bài - Ba Vì	6.000	
1.23	Cơ sở cai nghiện ma túy số 3	Tân Minh - Sóc Sơn	6.000	
1.24	Cơ sở cai nghiện ma túy số 4	Yên Bài - Ba Vì	6.000	
1.25	Cơ sở cai nghiện ma túy số 5	Xuân Phương - Từ Liêm	6.000	
1.26	Cơ sở cai nghiện ma túy số 6	Tân Minh - Sóc Sơn	6.000	
1.27	Cơ sở cai nghiện ma túy số 7	Phú Sơn - Ba Vì	6.000	
1.28	Công ty TNHH 19/12	Yên Hòa - Cầu Giấy	6.000	
1.29	Công ty TNHH Hòa Bình	Đội Cấn - Ba Đình	6.000	
1.30	Công ty TNHH Bao bì 27/7 Hà Nội	Láng Hạ - Ba Đình	6.000	
2	Các ban quản lý nghĩa trang		12.000	
2.1	Ban quản lý nghĩa trang liệt sỹ Nhôn	Tây Tựu - Từ Liêm	4.000	
2.2	Ban quản lý nghĩa trang liệt sỹ Ngọc Hồi	Ngọc Hồi - Thanh Trì	4.000	
2.3	Ban quản lý nghĩa trang Mai Dịch	Mai Dịch - Cầu Giấy	4.000	
B	Các quận, huyện, thị xã (Các tổ chức sản xuất kinh doanh, các		192.000	
I	Quận Hoàn Kiếm		16.000	
1	Hợp tác xã Thương binh 27/7	89A Hàng Mã - Hoàn Kiếm	6.000	
2	Công ty cổ phần Công Minh Mỹ Việt thương binh 27-7	Số 58B Bà Triệu- Hoàn Kiếm	6.000	
3	Hội người mù thành phố Hà Nội	Số 22 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm	4.000	
II	Quận Ba Đình		28.000	
1	Hợp tác xã vận tải 27/7 Ba Đình	Hoàng Hoa Thám - Ba Đình	6.000	
2	Công ty cổ phần Cựu chiến binh Đại Dương	Trúc Bạch - Ba Đình	6.000	
3	Công ty cổ phần Quảng cáo Hà Thái	14 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình	6.000	
4	Công ty TNHH Quảng cáo Ngọc Hà	Lô C3, ngõ 33 Đốc Ngữ, Liễu Giai- Ba Đình	6.000	
5	Hội doanh nghiệp của thương binh và người khuyết tật thành phố Hà Nội	Số 64, ngõ 279 Đội Cấn- Ba Đình	4.000	
III	Quận Đống Đa		10.000	

1	Nhà nuôi dưỡng trẻ em Hữu nghị Đống Đa	Số 48, ngõ Thái Thịnh II, Thịnh Quang- Đống Đa	4.000	
2	Công ty cổ phần sản xuất và TM Cựu chiến binh	2/29 Xã Đàn - Đống Đa	6.000	
IV	Quận Hai Bà Trưng		6.000	
1	Xưởng sản xuất thương binh Hai Bà Trưng	342 Phố Huế - Hai Bà Trưng	6.000	
V	Quận Hà Đông		16.000	
1	Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi Hà Cầu	Hà Cầu- Hà Đông	4.000	
2	Công ty TNHH Thương binh và người tàn tật 3-2	Số 10 Nguyễn Viết Xuân - Hà Đông	6.000	
3	Doanh nghiệp tư nhân Hà Hải	18 Lê Trọng Tấn - La Khê	6.000	
VI	Quận Hoàng Mai		22.000	
1	Hợp tác xã thương binh 19/12	Tổ 28B Yên Sở - Hoàng Mai	6.000	
2	Công ty cổ phần dịch vụ - thương mại xuất nhập khẩu Nam Á	Tổ 15 Yên Sở - Hoàng Mai	6.000	
3	Công ty TNHH thương mại Thịnh Sơn	Hoàng Văn Thụ - Hoàng Mai	6.000	
4	Công ty CP dịch vụ Nghị lực sống	Tầng 3, lô số 14, đường Nguyễn Cảnh Dị - Đại Kim - Hoàng Mai	4.000	
VII	Quận Long Biên		16.000	
1	Hợp tác xã Công nghiệp 20/10 Long Biên	682 Ngọc Lâm - Long Biên	6.000	
2	Công ty TNHH cơ khí chế tạo và dịch vụ tổng hợp 27/7	Đức Giang - Long Biên	6.000	
3	Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Tiến Thành	Khu đô thị Việt Hưng- Đức Giang - Long Biên	4.000	
VIII	Huyện Đông Anh		6.000	
1	Hợp tác xã sản xuất vật liệu xây dựng Thương binh Phúc Lâm Đông Anh	Mai Lâm - Đông Anh	6.000	
XIX	Huyện Gia Lâm		6.000	
1	Hợp tác xã thương binh 22/12 Gia Lâm	Văn Đức - Gia Lâm	6.000	
X	Huyện Thanh Trì		22.000	
1	Công ty cổ phần 27/7 Hồng Quang	Phan Trọng Tuệ - Thanh Trì	6.000	

2	Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ tổng hợp thương binh 10/10	Thị trấn Văn Điển- Thanh Trì	6.000	
3	Công ty TNHH thương binh Thanh Trì	Tả Thanh Oai - Thanh Trì	6.000	
4	HTX SXKD hàng thủ công giấy cuộn Quỳnh Hoa	Thôn Thanh Oai - Hữu Hòa - Thanh Trì	4.000	
XIII	Huyện Thanh Oai		4.000	
1	Trung tâm cứu trợ trẻ em tàn tật Thanh Oai	Thị trấn Kim Bài- Thanh Oai	4.000	
XIV	Quận Cầu Giấy		12.000	
1	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi thành phố Hà Nội	Số 1 Tôn Thất Thuyết - Cầu Giấy	4.000	
2	Hội cứu trợ trẻ em khuyết tật thành phố Hà Nội	Số 1 Tôn Thất Thuyết - Cầu Giấy	4.000	
3	Hội Người khuyết tật thành phố Hà Nội	Số 1 Tôn Thất Thuyết - Cầu Giấy	4.000	
XV	Quận Thanh Xuân		4.000	
1	Công ty TNHH may trang phục Việt Đức	35 Lê Văn Thiêm - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân	4.000	
XVI	Quận Tây Hồ		10.000	
1	Doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp nhiệt lạnh Hà Nội	212 Nghi Tâm - Yên Phụ - Tây Hồ	6.000	
2	Trung tâm Vì ngày mai	389 đường An Dương Vương - Phú Thượng - Tây Hồ	4.000	
XVII	Huyện Ba Vì		6.000	
1	Trung tâm phục hồi chức năng Bộ Lao động TBXH	Thụy An - Ba Vì	6.000	
XVIII	Huyện Sóc Sơn		4.000	
1	HTX tiểu thủ công mỹ nghệ Trái tim hồng	75 phố Gò Sỏi - Hồng Kỳ - Sóc Sơn	4.000	
XIX	Quận Nam Từ Liêm		4.000	
1	Công ty cổ phần Kym Việt	Số 123 phường Trung Văn- Nam Từ Liêm	4.000	

**Kinh phí bồi dưỡng cho cán bộ và bổ sung tiền ăn trong các ngày Tết cho các đối tượng nhân dịp
Tết Tân Sửu năm 2021**

Giao: Sở Lao động Thương binh và xã hội, Sở Y Tế

(Kèm theo Kế hoạch số 234 /KH-UBND ngày 07 tháng 12/năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Số lượng (người)	Mức chi	Kinh phí	Trong đó	
					Sở Lao động Thương binh và xã hội	Sở Y tế
I	Chi bồi dưỡng cho cán bộ, hỗ trợ tiền ăn đối tượng nuôi dưỡng, chữa trị tập trung:	7.009	-	931.700	891.100	40.600
1	Bồi dưỡng cán bộ công nhân viên phục vụ trực tiếp tại các Trung tâm chữa trị và nuôi dưỡng đối tượng tập trung:	2.308	0	461.600	428.000	33.600
	- Các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và xã hội	2.140	200	428.000	428.000	
	- Bệnh viện 09- Sở Y tế	168	200	33.600		33.600
2	Hỗ trợ một phần tiền ăn thêm trong dịp tết cho các đối tượng đang được chữa trị, nuôi dưỡng tập trung	4.701	0	470.100	463.100	7.000
	- Các Trung tâm thuộc Sở Lao động Thương binh và xã hội	4.631	100	463.100	463.100	
	- Bệnh viện 09- Sở Y tế	70	100	7.000		7.000